

**CÔNG TY TNHH HQ SEN VÀNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HQ SEN VÀNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400874214

**3. Ngày thành lập:** 24/10/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 442 phố Thanh Xuân, Thị Trấn Đồi Ngô, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang,  
Việt Nam

Điện thoại: 0919598868

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752(Chính) |
| 2.  | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao                                                                                                       | 2395        |
| 3.  | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                                | 2410        |
| 4.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                          | 2511        |
| 5.  | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng                                                                                                                                   | 2824        |
| 6.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                       | 4101        |
| 7.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                 | 4102        |
| 8.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                           | 4211        |
| 9.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                            | 4212        |
| 10. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                | 4221        |
| 11. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                     | 4222        |
| 12. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                      | 4223        |
| 13. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                       | 4229        |
| 14. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                | 4291        |
| 15. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                         | 4292        |
| 16. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                   | 4293        |
| 17. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4299        |
| 18. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311        |
| 19. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312        |
| 20. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                          | 4329        |
| 21. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                          | 4330        |
| 22. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa                                                                                                                                      | 4610        |
| 23. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                      | 4649        |
| 24. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                     | 4662        |
| 25. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663        |
| 26. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                       | 4669        |
| 27. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 28. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                 | 4772        |
| 29. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                     | 4784        |
| 30. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                          | 4933        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.900.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: BÙI VĂN QUYỀN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 02/01/1983 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121449070

Ngày cấp: 03/06/2011

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 442 phố Thanh Xuân, Thị trấn Đồi Ngô, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 442 phố Thanh Xuân, Thị trấn Đồi Ngô, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: BÙI VĂN QUYỀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/01/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121449070

Ngày cấp: 03/06/2011

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 442 phố Thanh Xuân, Thị trấn Đồi Ngô, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 442 phố Thanh Xuân, Thị trấn Đồi Ngô, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang